

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 11 - 2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Học

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Mai Thị D, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước;

**- Bị đơn:** Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước;

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 7 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị D trình bày:*

Chị Mai Thị D và anh Trần Ngọc T sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình; sau khi kết hôn chị D và anh T sinh sống tại tổ 2, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, ngoài ra anh Tuấn còn

thường xuyên nhậu nhẹt, chị D có khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị Mai Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Ngọc T.

*Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày: 15/02/2015, nay ly hôn thì chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay con chung đang được chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

*Về tài sản chung và nợ chung:* không có nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn của chị D, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh T nhiều lần đến tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng anh T không hợp tác, không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc, mặt dù đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã tham gia đúng thành phần và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

*Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của nguyên đơn, có đủ căn cứ xác định tình cảm giữa chị D và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng được thể hiện trong việc anh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cũng không có mặt để hòa giải đoàn tụ, tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt lần thứ hai nên không còn quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề xuất Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Hiện nay con chung đang nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ và hiện nay con chung đang được chị D trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét; nguyên đơn khai nợ chung, tài sản chung không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: chị Mai Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc T, anh T có nơi cư trú tại tổ 2, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị D và anh Trần Ngọc T, theo lời trình bày của chị D trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì nguyên nhân mâu thuẫn chính để chị yêu cầu xin ly hôn với anh T là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, ngoài ra anh Tuấn còn thường xuyên nhậu nhẹt, chị D cũng có khuyên ngăn nhưng không có kết quả nên vợ chồng hiện nay đã ly thân nhau, không ai quan tâm ai nữa; theo biên bản xác minh ngày 12/9/2018 được áp trưởng ấp H (nơi chị D, anh T cư trú) xác nhận anh T và chị D đã không còn sống chung với nhau, nguyên nhân chị D xin ly hôn với anh T là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm trở lại đây. Điều này cho thấy tình cảm giữa hai vợ chồng chị D và anh T thực sự đã mâu thuẫn trầm trọng; hơn nữa, tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến tòa án để hòa giải đoàn tụ gia đình và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt không có lý do, thể hiện anh T không còn quan tâm gì đến tình cảm giữa anh và chị D và anh chị đã sống ly thân nhau không còn quan tâm gì đến nhau nên chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của các đương sự sau này cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày: 15/02/2015, Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị D khai quá trình ly thân thì con chung vẫn được chị D trực tiếp nuôi dưỡng; hơn nữa, con chung còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ; mặt khác, quá trình giải quyết anh T không đến tòa án để giải quyết nên không biết nguyện vọng của anh T, xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con chung cháu Trần Tuấn A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích và phân tích quyền lợi của con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con theo các qui định của luật hôn nhân và gia đình, nhưng chị D vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

[5] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

*[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.*

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;*

*Áp dụng các Điều 51, 56, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Mai Thị D. Chị Mai Thị D được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2014 ngày 18/12/2014, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Tuấn A, sinh ngày: 15/02/2015 cho chị Mai Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mai Thị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004841 ngày 27/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND H. H;
- Chi cục THADS H. H;
- Dương sự;
- UBND xã T, h.H;
- Lưu: VT,HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
*(Đã ký)*  
**Nguyễn Đình Học**

